

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2022/ST – HNGĐ

Ngày 28 tháng 12 năm 2022

“V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thành; bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST– HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 14/12/2022 giữa các đương sự:

*** N đơn: Chị Trần Thị H – Sinh năm: 1995**

Nơi cư trú: Bản R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang – Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

*** Bị đơn: Anh Trần Văn N – Sinh năm: 1997**

Nơi cư trú: Thôn 02, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.

*** Người làm chứng:** Ông Trần Văn H – Sinh năm: 1964 - Trú tại: Thôn 02, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa hôm nay N đơn chị Trần Thị H vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn N kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh N không chịu khó làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình. Bên cạnh đó anh N lâm vào tệ nạn đánh

bạc dẫn đến việc nợ nần, cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo anh N sửa chữa, nhưng anh N không những không sửa chữa mà tiếp tục lâm vào các tệ nạn. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị H và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị H và anh N không còn đi lại, quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh N có một người con chung là Trần Huyền A – Sinh ngày: 22/9/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con ở với chị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị H và anh N không có tài chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng ông Trần Văn H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã trình bày:

Anh Trần Văn N là con trai của ông H, còn chị H là con dâu. Chị H và anh H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. N nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh N lâm vào tệ nạn cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn tới việc kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Vì vậy giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Hiện tại anh N đi làm ăn, sinh sống ở tỉnh Bắc Giang, trong thời gian đi làm ăn ở tỉnh Bắc Giang anh N thỉnh thoảng có về thăm gia đình còn bình thường liên lạc với gia đình qua điện thoại. Việc chị H yêu cầu ly hôn với anh N có biết, vì trước đó chị H có gọi điện báo cho N biết và khi nhận được các văn bản của Tòa án gửi ông H đề thông báo cho N biết. Sau đó anh N có gọi điện về trao đổi với ông H về chuyện ly hôn của vợ chồng, anh N nói đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, do điều kiện ở xa, bận công việc nên anh N không thể có mặt để giải quyết vụ án được, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Về con chung: Có một con chung là Trần Huyền A – Sinh ngày: 22/9/2020, từ khi ly thân đến nay con ở với chị H. Nay ly hôn, anh N thống nhất để chị H nuôi con và đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh N. Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai.

- Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. N đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã

được tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Văn N; Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Huyền A – Sinh ngày: 22/9/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn N; Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Yêu cầu ly hôn và nuôi con chung” mà bị đơn cư trú tại xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn N vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị H và anh N cho ông Trần Văn H do ông H là cha đẻ của anh N nhận và ông H đã báo lại cho anh N biết. Mặc dù, anh N biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh N không về và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị H và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt, còn chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do

anh N không chăm lo cuộc sống gia đình, lâm vào tệ nạn đánh bạc làm cho kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo anh N để anh N sửa chữa, nhưng anh N không những không sửa chữa mà tiếp tục lâm vào tệ nạn đánh bạc làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt tại địa phương, mặc dù anh N đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho anh N nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để giải quyết. Thông qua ông Trần Văn H, anh N đồng ý ly hôn với chị H. Việc anh N không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc cho chị H và Tòa án biết là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị H và anh N chỉ sống hạnh phúc được một thời gian thì sống ly thân. Vợ chồng đã bỏ mặc nhau, mỗi người sống một nơi, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh N là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị H.

[2.2]. Về nuôi con chung:

Vợ chồng chị Trần Thị H và anh Trần Văn N có 01 con chung là Trần Huyền A – Sinh ngày: 22/9/2020. Từ khi chị H và anh N ly thân đến nay con ở với chị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con, anh N cũng thống nhất để con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con Trần Huyền A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn N khai không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Huyền A – Sinh ngày: 22/9/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Trần Văn N.

(Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000228 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Nơi đã ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

